|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**  Nghị quyết số: /NQ-UBTVQH15 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã**

**của thành phố Huế năm 2025**

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;*

*Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số /TTr-CP ngày tháng năm 2025, Báo cáo tham gia thẩm tra số /BC-UBPLTP15 ngày tháng năm 2025 của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sắp xếp các phường của thành phố Huế**

1. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Phong Thu, xã Phong Mỹ và xã Phong Xuân thuộc thị xã Phong Điền hiện nay thành phường Phong Điền.

Sau khi sắp xếp, phường Phong Điền có diện tích tự nhiên là 592,48 km2, quy mô dân số là 27.862 người.

Phường Phong Điền giáp phường Phong Dinh, phường Phong Thái, xã A Lưới 1, xã A Lưới 5 và tỉnh Quảng Trị.

2. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Phong An, phường Phong Hiền và xã Phong Sơn thuộc thị xã Phong Điền hiện nay thành phường Phong Thái.

Sau khi sắp xếp, phường Phong Thái có diện tích tự nhiên là 187,02 km2, quy mô dân số là 37.406 người.

Phường Phong Thái giáp phường Hương Trà, phường Phong Điền, phường Phong Dinh, xã Bình Điền, xã Đan Điền và xã A Lưới 5.

3. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Phong Hòa, xã Phong Bình và xã Phong Chương thuộc thị xã Phong Điền hiện nay thành phường Phong Dinh.

Sau khi sắp xếp, phường Phong Dinh có diện tích tự nhiên là 87,17 km2, quy mô dân số là 28.012 người.

Phường Phong Dinh giáp phường Phong Phú, phường Phong Điền, phường Phong Thái, xã Đan Điền và tỉnh Quảng Trị.

4. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Phong Phú và xã Phong Thạnh thuộc thị xã Phong Điền hiện nay thành phường Phong Phú.

Sau khi sắp xếp, phường Phong Phú có diện tích tự nhiên là 60,85 km2, quy mô dân số là 19.057 người.

Phường Phong Phú giáp phường Phong Dinh, phường Phong Quảng, xã Đan Điền; tỉnh Quảng Trị và Biển Đông.

5. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Phong Hải thuộc thị xã Phong Điền và xã Quảng Công, xã Quảng Ngạn thuộc huyện Quảng Điền hiện nay thành phường Phong Quảng.

Sau khi sắp xếp, phường Phong Quảng có diện tích tự nhiên là 41,70 km2, quy mô dân số là 25.728 người.

Phường Phong Quảng giáp phường Phong Phú, phường Thuận An, xã Quảng Điền, xã Đan Điền và Biển Đông.

6. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Tứ Hạ, phường Hương Văn và phường Hương Vân thuộc thị xã Hương Trà hiện nay thành phường Hương Trà.

Sau khi sắp xếp, phường Hương Trà có diện tích tự nhiên là 83,28 km2, quy mô dân số là 29.979 người.

Phường Hương Trà giáp phường Kim Trà, phường Phong Thái, xã Bình Điền và xã Đan Điền.

7. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Hương Xuân, phường Hương Chữ và xã Hương Toàn thuộc thị xã Hương Trà hiện nay thành phường Kim Trà.

Sau khi sắp xếp, phường Kim Trà có diện tích tự nhiên là 42,80 km2, quy mô dân số là 36.296 người.

Phường Kim Trà giáp phường Hóa Châu, phường Hương An, phường Hương Trà, phường Kim Long, xã Bình Điền, xã Quảng Điền và xã Đan Điền.

8. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Long Hồ, phường Hương Long và phường Kim Long thuộc quận Phú Xuân hiện nay thành phường Kim Long.

Sau khi sắp xếp, phường Kim Long có diện tích tự nhiên là 90,14 km2, quy mô dân số là 48.999 người.

Phường Kim Long giáp phường Thủy Xuân, phường Phú Xuân, phường Hương An, phường Kim Trà, phường Phú Bài và xã Bình Điền.

9. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Hương An, phường An Hòa và phường Hương Sơ thuộc quận Phú Xuân hiện nay thành phường Hương An.

Sau khi sắp xếp, phường Hương An có diện tích tự nhiên là 19,43 km2, quy mô dân số là 35.885 người.

Phường Hương An giáp phường Kim Long, phường Phú Xuân, phường Kim Trà và phường Hóa Châu.

10. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Gia Hội, phường Phú Hậu, phường Tây Lộc, phường Thuận Lộc, phường Thuận Hòa và phường Đông Ba thuộc quận Phú Xuân hiện nay thành phường Phú Xuân.

Sau khi sắp xếp, phường Phú Xuân có diện tích tự nhiên là 10,38 km2, quy mô dân số là 130.247 người.

Phường Phú Xuân giáp phường Mỹ Thượng, phường Vỹ Dạ, phường Kim Long, phường Hương An, phường Thuận Hóa, phường Hóa Châu và phường Dương Nỗ.

11. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Thuận An thuộc quận Thuận Hóa và xã Phú Hải, xã Phú Thuận thuộc huyện Phú Vang hiện nay thành phường Thuận An.

Sau khi sắp xếp, phường Thuận An có diện tích tự nhiên là 36,48 km2, quy mô dân số là 54.846 người.

Phường Thuận An giáp phường Phong Quảng, phường Dương Nỗ, phường Hóa Châu, phường Mỹ Thượng, xã Phú Hồ, xã Phú Vinh và Biển Đông.

12. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Hương Phong thuộc quận Thuận Hóa, phường Hương Vinh thuộc quận Phú Xuân và xã Quảng Thành thuộc huyện Quảng Điền hiện nay thành phường Hóa Châu.

Sau khi sắp xếp, phường Hóa Châu có diện tích tự nhiên là 34,60 km2, quy mô dân số là 41.328 người.

Phường Hóa Châu giáp phường Phong Quảng, phường Thuận An, phường Dương Nỗ, phường Kim Trà, phường Hương An, phường Phú Xuân và xã Quảng Điền.

13. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Phú Thượng thuộc quận Thuận Hóa và xã Phú An, xã Phú Mỹ thuộc huyện Phú Vang hiện nay thành phường Mỹ Thượng.

Sau khi sắp xếp, phường Mỹ Thượng có diện tích tự nhiên là 28,83 km2, quy mô dân số là 44.736 người.

Phường Mỹ Thượng giáp phường Dương Nỗ, phường Phú Xuân, phường Vỹ Dạ, phường Thanh Thủy, phường Thuận An và xã Phú Hồ.

14. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Vỹ Dạ, phường Thủy Vân và phường Xuân Phú thuộc quận Thuận Hóa hiện nay thành phường Vỹ Dạ.

Sau khi sắp xếp, phường Vỹ Dạ có diện tích tự nhiên là 8,93 km2, quy mô dân số là 49.684 người.

Phường Vỹ Dạ giáp phường Phú Xuân, phường Thuận Hoá, phường Thanh Thủy, phường An Cựu và phường Mỹ Thượng.

15. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Phú Hội, phường Phú Nhuận, phường Phường Đúc, phường Vĩnh Ninh, phường Phước Vĩnh và phường Trường An thuộc quận Thuận Hóa hiện nay thành phường Thuận Hóa.

Sau khi sắp xếp, phường Thuận Hóa có diện tích tự nhiên là 7,57 km2, quy mô dân số là 98.923 người.

Phường Thuận Hóa giáp phường Phú Xuân, phường Thủy Xuân, phường An Cựu và phường Vỹ Dạ.

16. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường An Đông, phường An Cựu và phường An Tây thuộc quận Thuận Hóa hiện nay thành phường An Cựu.

Sau khi sắp xếp, phường An Cựu có diện tích tự nhiên là 16,71 km2, quy mô dân số là 55.305 người.

Phường An Cựu giáp phường Thanh Thủy, phường Thuận Hóa, phường Thủy Xuân và phường Vỹ Dạ.

17. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Thủy Biều, phường Thủy Xuân và phường Thủy Bằng thuộc quận Thuận Hóa hiện nay thành phường Thủy Xuân.

Sau khi sắp xếp, phường Thủy Xuân có diện tích tự nhiên là 37,03 km2, quy mô dân số là 43.373 người.

Phường Thủy Xuân giáp phường Thanh Thủy, phường Phú Bài, phường Kim Long, phường An Cựu và phường Thuận Hóa.

18. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Thủy Dương, phường Thủy Phương và toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thủy Thanh thuộc thị xã Hương Thủy thành phường Thanh Thủy.

Sau khi sắp xếp, phường Thanh Thủy có diện tích tự nhiên là 48,92 km2, quy mô dân số là 43.569 người.

Phường Thanh Thủy giáp phường Thủy Xuân, phường An Cựu, phường Vỹ Dạ, phường Phú Bài, phường Mỹ Thượng, phường Hương Thủy và xã Phú Hồ.

19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Thủy Lương, phường Thủy Châu và xã Thủy Tân thuộc thị xã Hương Thủy thành phường Hương Thủy**.**

Sau khi sắp xếp, phường Hương Thủycó diện tích tự nhiên là 33,93 km2, quy mô dân số là 29.192 người.

Phường Hương Thủygiáp phường Thanh Thủy, phường Phú Bài, xã Phú Hồ và xã Phú Vang.

20. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Phú Bài, xã Thủy Phù, xã Phú Sơn và xã Dương Hòa thuộc thị xã Hương Thủy thành phường Phú Bài.

Sau khi sắp xếp, phường Phú Bàicó diện tích tự nhiên là 344,63 km2, quy mô dân số là 38.410 người.

Phường Phú Bài giáp phường Kim Long, phường Thủy Xuân, phường Thanh Thủy, phường Hương Thủy, xã Bình Điền, xã A Lưới 5, xã Long Quảng, xã Nam Đông, xã Hưng Lộc, xã Phú Vang, xã Lộc An và xã Khe Tre.

**Điều 2.** **Sắp xếp các xã của thành phố Huế**

1. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Thái, xã Quảng Lợi, xã Quảng Vinh và xã Quảng Phú thuộc huyện Quảng Điền hiện nay thành xã Đan Điền.

Sau khi sắp xếp, xã Đan Điền có diện tích tự nhiên là 82,62 km2, quy mô dân số là 40.389 người.

Xã Đan Điền giáp phường Phong Phú, phường Phong Quảng, phường Phong Thái, phường Phong Dinh, phường Hương Trà, phường Kim Trà và xã Quảng Điền.

2. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Phước, xã Quảng An, xã Quảng Thọ và thị trấn Sịa thuộc huyện Quảng Điền hiện nay thành xã Quảng Điền.

Sau khi sắp xếp, xã Quảng Điền có diện tích tự nhiên là 45,93 km2, quy mô dân số là 41.798 người.

Xã Quảng Điền giáp phường Phong Quảng, phường Hoá Châu, phường Thuận An, phường Kim Trà và xã Đan Điền.

3. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hương Bình, xã Bình Tiến và xã Bình Thành thuộc thị xã Hương Trà hiện nay thành xã Bình Điền.

Sau khi sắp xếp, xã Bình Điền có diện tích tự nhiên là 266,50 km2, quy mô dân số là 15.229 người.

Xã Bình Điền giáp phường Kim Long, phường Hương Trà, phường Kim Trà, phường Phong Thái, phường Phú Bài và xã A Lưới 5.

4. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phú Diên, xã Vinh Xuân, xã Vinh An và xã Vinh Thanh thuộc huyện Phú Vang hiện nay thành xã Phú Vinh.

Sau khi sắp xếp, xã Phú Vinh có diện tích tự nhiên là 57,95 km2, quy mô dân số là 47.674 người.

Xã Phú Vinh giáp phường Thuận An, xã Phú Hồ, xã Phú Vang, xã Vinh Lộc và Biển Đông.

5. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phú Xuân, xã Phú Lương và xã Phú Hồ thuộc huyện Phú Vang hiện nay thành xã Phú Hồ.

Sau khi sắp xếp, xã Phú Hồ có diện tích tự nhiên là 57,72 km2, quy mô dân số là 23.550 người.

Xã Phú Hồ giáp phường Thuận An, phường Mỹ Thượng, phường Thanh Thủy, phường Hương Thủy, xã Phú Vang và xã Phú Vinh.

6. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phú Gia, xã Vinh Hà và thị trấn Phú Đa thuộc huyện Phú Vang hiện nay thành xã Phú Vang.

Sau khi sắp xếp, xã Phú Vang có diện tích tự nhiên là 86,19 km2, quy mô dân số là 39.250 người.

Xã Phú Vang giáp phường Hương Thủy, phường Phú Bài, xã Phú Vinh, xã Vinh Lộc, xã Lộc An và xã Phú Hồ.

7. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vinh Hưng, xã Vinh Mỹ, xã Giang Hải và xã Vinh Hiền thuộc huyện Phú Lộc hiện nay thành xã Vinh Lộc.

Sau khi sắp xếp, xã Vinh Lộccó diện tích tự nhiên là 66,53 km2, quy mô dân số là 36.350 người.

Xã Vinh Lộc giáp xã Phú Vang, xã Lộc An, xã Phú Lộc, xã Phú Vinh và Biển Đông.

8. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lộc Bổn, xã Xuân Lộc và thị trấn Lộc Sơn thuộc huyện Phú Lộc hiện nay thành xã Hưng Lộc.

Sau khi sắp xếp, xã Hưng Lộccó diện tích tự nhiên là 95,62 km2, quy mô dân số là 32.586 người.

Xã Hưng Lộc giáp phường Phú Bài, xã Phú Vang, xã Lộc An và xã Khe Tre.

9. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lộc An, xã Lộc Hòa và xã Lộc Điền thuộc huyện Phú Lộc hiện nay thành xã Lộc An.

Sau khi sắp xếp, xã Lộc Ancó diện tích tự nhiên là 177,58 km2, quy mô dân số là 39.217 người.

Xã Lộc An giáp phường Phú Bài, xã Vinh Lộc, xã Phú Lộc, xã Hưng Lộc, xã Khe Tre và xã Phú Vang.

10. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lộc Trì, xã Lộc Bình và thị trấn Phú Lộc thuộc huyện Phú Lộc hiện nay thành xã Phú Lộc.

Sau khi sắp xếp, xã Phú Lộccó diện tích tự nhiên là 119,30 km2, quy mô dân số là 28.273 người.

Xã Phú Lộc giáp xã Chân Mây - Lăng Cô, xã Lộc An, xã Vinh Lộc, xã Khe Tre; thành phố Đà Nẵng và Biển Đông.

11. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lộc Tiến, xã Lộc Vĩnh, xã Lộc Thủy và thị trấn Lăng Cô thuộc huyện Phú Lộc hiện nay thành xã Chân Mây - Lăng Cô.

Sau khi sắp xếp, xã Chân Mây - Lăng Cô có diện tích tự nhiên là 261,38 km2, quy mô dân số là 50.831 người.

Xã Chân Mây - Lăng Cô giáp xã Phú Lộc; thành phố Đà Nẵng và Biển Đông.

12. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thượng Quảng, xã Thượng Long và xã Hương Hữu thuộc huyện Phú Lộc hiện nay thành xã Long Quảng.

Sau khi sắp xếp, xã Long Quảng có diện tích tự nhiên là 215,85 km2, quy mô dân số là 8.883 người.

Xã Long Quảng giáp phường Phú Bài, xã Nam Đông, xã A Lưới 5 và tỉnh Quảng Nam.

13. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hương Xuân, xã Thượng Nhật và xã Hương Sơn thuộc huyện Phú Lộc hiện nay thành xã Nam Đông.

Sau khi sắp xếp, xã Nam Đông có diện tích tự nhiên là 175,95 km2, quy mô dân số là 9.158 người.

Xã Nam Đông giáp phường Phú Bài, xã Khe Tre, xã Long Quảng và tỉnh Quảng Nam.

14. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hương Phú, xã Hương Lộc, xã Thượng Lộ và thị trấn Khe Tre thuộc huyện Phú Lộc hiện nay thành xã Khe Tre.

Sau khi sắp xếp, xã Khe Tre có diện tích tự nhiên là 256,02 km2, quy mô dân số là 12.882 người.

Xã Khe Tre giáp phường Phú Bài, xã Hưng Lộc, xã Lộc An, xã Phú Lộc, xã Nam Đông; tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

15. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hồng Thủy, xã Hồng Vân, xã Trung Sơn và xã Hồng Kim thuộc huyện A Lưới hiện nay thành xã A Lưới 1.

Sau khi sắp xếp, xã A Lưới 1 có diện tích tự nhiên là 198,59 km2, quy mô dân số là 12.403 người.

Xã A Lưới 1 giáp phường Phong Điền, A Lưới 2, xã A Lưới 5; tỉnh Quảng Trị và nước CHDCND Lào.

16. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hồng Bắc, xã Quảng Nhâm, xã A Ngo và thị trấn A Lưới thuộc huyện A Lưới hiện nay thành xã A Lưới 2.

Sau khi sắp xếp, xã A Lưới 2 có diện tích tự nhiên là 97,62 km2, quy mô dân số là 20.496 người.

Xã A Lưới 2 giáp xã A Lưới 1, xã A Lưới 3, A Lưới 5 và nước CHDCND Lào.

17. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Sơn Thủy, xã Hồng Thượng, xã Phú Vinh và xã Hồng Thái thuộc huyện A Lưới hiện nay thành xã A Lưới 3.

Sau khi sắp xếp, xã A Lưới 3 có diện tích tự nhiên là 154,23 km2, quy mô dân số là 8.976 người.

Xã A Lưới 3 giáp xã A Lưới 2, A Lưới 4, A Lưới 5 và nước CHDCND Lào.

18. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hương Phong, xã A Roàng, xã Đông Sơn và xã Lâm Đớt thuộc huyện A Lưới hiện nay thành xã A Lưới 4.

Sau khi sắp xếp, xã A Lưới 4 có diện tích tự nhiên là 233,65 km2, quy mô dân số là 10.752 người.

Xã A Lưới 4 giáp xã A Lưới 3, A Lưới 5 và nước CHDCND Lào.

19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hương Nguyên và xã Hồng Hạ thuộc huyện A Lưới hiện nay thành xã A Lưới 5.

Sau khi sắp xếp, xã A Lưới 5 có diện tích tự nhiên là 464,40 km2, quy mô dân số là 3.760 người.

Xã A Lưới 5 giáp phường Phong Điền, phường Phú Bài, xã Bình Điền, xã Long Quảng; tỉnh Quảng Nam và nước CHDCND Lào.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, thành phố Huế có 40 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 19 xã và 21 phường; trong đó có 19 xã và 20 phường hình thành sau sắp xếp tại Điều 1 và Điều 2 Nghị quyết này và 01 phường giữ nguyên không thực hiện sắp xếp là phường Dương Nỗ.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Huế và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này; sắp xếp, ổn định bộ máy các cơ quan, tổ chức ở địa phương; ổn định đời sống của Nhân dân địa phương, bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh trên địa bàn.

2. Trong quá trình lập, quản lý hồ sơ địa giới đơn vị hành chính của thành phố mà có thay đổi về diện tích tự nhiên và quy mô dân số đối với các đơn vị hành chính cấp xã tại Điều 1 và Điều 2 Nghị quyết này thì Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường lập hồ sơ trình Chính phủ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của địa phương mà không phải báo cáo lại Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Huế, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

*Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, phiên họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Chính phủ;  - Ban Tổ chức Trung ương;  - Ủy ban TWMT Tổ quốc Việt Nam;  - Kiểm toán nhà nước;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;  - Cục Thống kê, Bộ Tài chính.  -Thành ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH thành phố Huế;  - Lưu: HC, PL&TP. | **TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI CHỦ TỊCH** |

**Trần Thanh Mẫn**